

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26A/2022/HSST
Ngày: 14 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý
2. Bà Võ Thị Bời

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý 246/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2021/QĐXX –HS ngày 07 tháng 7 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 271/TB-TA ngày 19/7/2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 278/TB-TA ngày 22/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 206/2021/HSST- QĐ ngày 23/12/2021 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Tấn Tr**, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tân X, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Tấn L và bà Lê Thị T; tiền sự, tiền án: không. Nhân thân: Ngày 22/01/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tuyên phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án phúc thẩm số 17/2013/HS-PT. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25/3/2014. Đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Bị cáo bị bắt truy nã vào ngày 17/3/2021, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2021; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Đường chùa Thiên P, thôn Phú V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Chị Lê Kim N, sinh năm 1971; nơi cư trú: nơi cư trú: Đường chùa Thiên P, thôn Phú V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Lê Văn H; nơi cư trú: Thôn Đồng C, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Anh Phan Văn L, nơi cư trú: Tổ 4, thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Thái Văn P; nơi cư trú: Tổ 4, thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn Tâm, nơi cư trú: Tổ 4, thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa truy tố về các hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 24/11/2016, Nguyễn Tấn Tr điều khiển xe máy (chưa rõ biển kiểm soát) đi từ huyện Diên Khánh đến thành phố N. Khi đi đến khu vực thôn Phú V, xã V, thành phố N, phát hiện nhà số ...đường chùa Thiên P, thôn Phú V, xã Vĩnh T, thành phố N của vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Lê Kim N, có phía sau nhà là ruộng lúa, có thể đột nhập được nên Tr dừng xe, đợi đến khoảng hơn 23 giờ khi mọi người tắt đèn đi ngủ, Tr đi bộ vòng ra phía sau, trèo qua tường chui vào ô thông gió của ngôi nhà, đột nhập vào phòng ngủ của vợ chồng anh T chị N. Thấy cả hai đang nằm ngủ, Tr lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động Iphone 6s màu hồng, 01 ví da nam và 01 túi xách nữ. Ra ngoài, Tr lục lấy toàn bộ tiền trong túi xách nữ rồi vứt túi xách lại trong sân nhà, trên đường đi, Tr kiểm tra trong ví da nam, lấy toàn bộ tiền, ngoại tệ, nhẫn kim loại màu vàng trong ví rồi vứt ví lại ven đường. Số tiền trong ví da và túi xách Trung trộm cắp được 20.000.000 đồng, 120USD, 66 EURO. Sau khi trộm cắp được tài sản, Trung đem bán số ngoại tệ trên cho tiệm vàng Vĩnh Trang, địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã St, huyện C, tỉnh Khánh Hòa được 3.000.000 đồng, điện thoại di động Tr đem đến chợ Đ bán cho Phan Văn L được 700.000 đồng; còn chiếc nhẫn kim loại màu vàng, Tr cho Lê Văn H. Cơ quan điều tra đã thu hồi được điện thoại di động và nhẫn kim loại màu vàng nói trên.

Tại bản kết luận giám định số 54/GĐTP/2017 ngày 03/01/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: 01 dấu vết đường vân dính bụi (dấu vết đường vân cần giám định ký hiệu A) thu tại hiện trường vụ “Trộm

cấp tài sản” phát hiện ngày 25/11/2016, ở số ...đường chùa Thiên P, thôn Phú V, xã Vĩnh T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, so với dấu vân tay được in ở ô “Cái phải” trên “Chỉ bản” số NT-2140/12, lập ngày 23/8/2012, mang tên Nguyễn Tấn Tr (Chỉ bản mẫu so sánh ký hiệu M) là của cùng một người.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 438/TCKH ngày 30/12/2016 của Phòng Tài chính Kế hoạch - Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang kết luận: Điện thoại Iphone 6S – 128 Gb, trị giá: 16.056.000 đồng.

Căn cứ vào tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu có hiệu lực từ ngày 24/11/2026 đến 30/11/2016 do Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Khánh Hòa cung cấp, thì 1 EUR = 23.498,16VNĐ, 1 USD = 22.131VNĐ. Như vậy, 120 USD = 2.655.720 đồng và 66 EUR = 1.550.878,56 đồng. Tổng số ngoại tệ Trung đã trộm cắp tương đương với 4.206.598,56 đồng, làm tròn: 4.206.600 đồng.

Nhẫn kim loại màu vàng được Doanh nghiệp tư nhân Kinh doanh vàng T xác nhận có chất lượng 64%, trọng lượng 1,666 chỉ. Tại bản kết luận định giá tài sản số 68/TCKH ngày 15/3/2017 của Phòng Tài chính Kế hoạch - Ủy ban nhân dân thành phố N kết luận: Nhẫn bằng vàng (64%), trọng lượng 1,66 chỉ, có giá trị: 3.601.000 đồng. Đối với túi xách da và ví da không đủ cơ sở định giá.

Tại bản cáo trạng số 207/CT-VKS-NT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Tấn Tr và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về phần dân sự, bị hại được triệu tập hai lần nhưng vắng mặt, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tách phần dân sự ra để giải quyết, nếu sau này bị hại có yêu cầu; tuyên quyền kháng cáo và án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Nhận thấy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2.2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên và của các cơ quan tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tấn Tr khai nhận: Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, nên vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 24/11/2016, tại nhà số ... đường chùa Thiên P, thôn Phú V, xã V, thành phố N. Nguyễn Tấn Tr đã đột nhập vào nhà của anh T, chị N lấy trộm 01 điện thoại di động Iphone 6s màu hồng, 01 ví da nam và 01 túi xách nữ. Số tiền trong ví da và túi xách Tr trộm cắp được 20.000.000 đồng, 120USD, 66 EURO. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 43.863.600 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có trong hồ sơ và tại phiên tòa; Kết luận giám định, Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phân xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Hành vi trộm cắp tài sản có giá trị 43.863.600 đồng của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999.

Do đó, Cáo trạng số 207/CT-VKS-NT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang truy tố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật của Bộ luật hình sự 1999, là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo đã có công ăn việc làm, nhưng vẫn trộm cắp để tiêu xài. Sau khi trộm cắp tài sản đã

bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã, gây khó khăn cho công tác điều tra tội phạm của cơ quan tố tụng. Về nhân thân: Ngày 22/01/2013 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tuyên phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án phúc thẩm số 17/2013/HS-PT. Sau khi ra tù không lấy đó làm bài học, lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản. Đến thời điểm tòa án xét xử vụ án bị cáo cũng không có thiện chí khắc phục, bồi thường thiệt hại cho bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án đủ nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản phạm tội một phần đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo, sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

[4.1] Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Kim N đã nhận lại tài sản bị trộm cắp là 01 điện thoại di động Iphone 6S màu hồng và 01 nhẫn vàng. Tòa án đã triệu tập họp lệ các bị hại đến phiên tòa, nhưng các bị hại vắng mặt, do vậy về phần trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác, nếu sau này anh Thuận và chị Ngân có yêu cầu.

[4.2] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn L và anh Lê Văn H: Anh L là người nhận thế chấp chiếc điện thoại bị cáo trộm cắp mà có. Anh Lê Văn H là người được bị cáo cho chiếc nhẫn là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Cả anh L và anh H không biết là tài sản mà mình giao dịch là tài sản do trộm cắp mà có, nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh L, anh H. Về phần trách nhiệm dân sự, do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo một xe máy hiệu Honda Future, BKS: 79Z1-485.1301 và một điện thoại di động Huawei. Kết quả điều tra cho thấy chiếc xe máy và điện thoại này là bị cáo mượn của bà Thiều Thị T và không liên quan đến hành vi phạm tội. Do vậy, cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Thiều Thị T là đúng quy định, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn Tr 02** (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1. Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Kim N vắng mặt nên tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác, nếu sau này anh T, chị N có yêu cầu.

2.2. Không xem xét phân trách nhiệm dân sự đối với Phan Văn L và anh Lê Văn H.

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Công an thành phố Nha Trang;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo; bị hại;
- Chi cục THADS. TP. Nha Trang;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng